

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 15 tháng 10 năm 2020  
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Đính

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Lan  
2. Ông Nguyễn Như Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị P; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T; Địa chỉ nơi cư trú: Làng P, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Nguyên đơn Ngô Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Ngô Thị P và anh Nguyễn Văn T tự nguyện quen biết và tìm hiểu nhau từ năm 2014, đến đầu năm 2015 anh chị được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, nhưng đến ngày 24-02-2016 chị P và anh T mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh T không chịu làm ăn, thường xuyên tụ tập uống rượu, về nhà thì chửi bới, đánh đập chị P. Đến cuối năm 2017 vì không thể chịu đựng được nên chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ thôn V, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội để sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Chị P không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị Ngô Thị P và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 20-11-2015. Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân, cháu M vẫn đang sống cùng với anh T. Do điều kiện hiện nay chị P vẫn còn sống phụ thuộc vào gia đình bố mẹ đẻ, không có việc làm và không có thu nhập nên chị P không có khả năng kinh tế để nuôi con. Vì vậy chị P yêu cầu giao cháu M cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Chị Ngô Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## 2. Bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị P tự nguyện quen biết và tìm hiểu nhau từ năm 2014, đến đầu năm 2015 anh chị được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, nhưng đến ngày 24-02-2016 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Bă, huyện G, tỉnh Gia Lai. Từ khi chị P sinh cháu M được 02 tháng thì chị P bỏ đi cho đến nay, không liên lạc và cũng không quan tâm đến con. Vợ chồng sống ly thân, anh T một mình nuôi cháu M. Vì vậy anh T đồng ý ly hôn với chị P.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị P có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 20-11-2015. Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân, cháu M vẫn đang sống cùng với anh T nên anh T đồng ý tiếp tục nuôi cháu M và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Bản sao Căn cước công dân của chị Ngô Thị P; Bản sao Sổ hộ khẩu của chị Ngô Thị P; bản sao Trích lục kết hôn của chị Ngô Thị P và anh Nguyễn Văn T; bản sao Trích lục khai sinh của cháu Nguyễn Thị Trà M; bản gốc Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi tài liệu, chứng cứ ngày 30-6-2020 của chị Ngô Thị P; bản gốc đơn xin vắng mặt ngày 30-6-2020 của chị Ngô Thị P; bản gốc bản tự khai ngày 29-9-2020 của anh Nguyễn Văn T; bản gốc biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08-4-2020 của Tòa án; Bản gốc biên bản xác minh ngày 09-4-2020 của Tòa án; bản gốc biên bản xác minh ngày 02-6-2020 của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy

định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị P và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai vào ngày 24-02-2016. Chị và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung chị P và anh T bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi nhau, đánh nhau và cũng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, anh T cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị P. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[3] Về con chung: Chị Ngô Thị P và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 20-11-2015. Chị P yêu cầu giao cháu M cho anh T nuôi dưỡng và anh T cũng đồng ý và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, từ thời điểm chị P và anh T sống ly thân thì cháu M vẫn sống cùng với anh T nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu M cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Ngô Thị P và anh Nguyễn Văn T đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị P là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị P và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Ngô Thị P và anh Nguyễn Văn T là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 20-11-2015 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Ngô Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Ngô Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005913 ngày 24-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Ngô Thị P đã nộp đủ tiền án phí.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Ia Bă;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Lê Văn Đính**